

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 06 - 5 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền.

Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Ngọc M, sinh năm 1991.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2021 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2007 chị M và anh T được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/5/2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 84/2014). Thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Lê Phạm Khánh K, sinh 01/9/2008 và Lê Phạm Như H, sinh 20/12/2010.

Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị M xác định anh T đam mê cờ bạc từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau,

làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không sống chung từ tháng 12/2020 cho đến nay nhưng chị M không muốn hàn gắn trở lại.

Chị M yêu cầu ly hôn với anh T; về con chung chị M đồng ý giao 02 con chung cho anh T nuôi dạy, chị M tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị M về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì mà để ly hôn, từ trước tới giờ anh T không có hành vi đánh đập hay hành hạ gì vợ con, đôi khi tính tình vợ chồng có lúc không hợp nhau, nên có cự cãi với nhau, nhưng không đến mức trầm trọng, ngoài ra anh T xác định trước đây anh có đam mê cờ bạc nhưng hiện nay đã sửa đổi và chí thú làm ăn. Vợ chồng không sống chung từ ngày 24/12/2020 âm lịch cho đến nay nhưng chưa hàn gắn trở lại được. Anh T xét thấy vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn được hàn gắn trở lại.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị M. Trường hợp Tòa án cho ly hôn về con chung anh T đồng ý nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con (Đối với các con anh T không dẫn đến cho Tòa án làm việc với các cháu vì sợ tổn thương về mặt tâm lý đối với các cháu), về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M cho chị M được ly hôn với anh T, về con chung giao 02 con chung cho anh T nuôi dạy và chị M cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được chấm dứt theo quy định của pháp luật, về tài sản chung và nợ chung chị M và anh T không có yêu cầu nên không xem xét.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ và phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng chị M và anh T không làm được điều đó, nhưng chỉ vì quan điểm sống cá nhân của mỗi bên mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M và anh T không sống chung với nhau từ tháng 12/2020 cho đến nay nhưng hai bên không hàn gắn lại với nhau được, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M cương quyết ly hôn với anh T, do đó xác định chị M và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 84/2014 ngày 14/5/2014 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử cháu H và cháu K đã từ đủ 07 tuổi trở lên nên đáng lẽ Tòa án sẽ làm việc để ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của các cháu, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của các con chung và anh T cũng không hợp tác để Tòa án ghi nhận ý kiến của các cháu, do đó cần xem xét về quyền lợi mọi mặt của các con chung giữa chị M và anh T để xem xét. Sau khi ly hôn thì giữa chị M và anh T thỏa thuận với nhau người trực tiếp nuôi con là anh T, việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và anh T không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, nên cần ghi nhận và giao cháu Lê Phạm Như H và cháu Lê Phạm Khánh K cho anh T nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, chị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống với anh T, nếu chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con, nhưng chị M tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc tự nguyện của chị M là hoàn toàn tự nguyện và không trái với đạo đức xã hội, quy định của pháp luật, đồng thời để đảm bảo quyền và lợi ích của các con chung. Do đó, cần ghi nhận và buộc chị M cấp dưỡng cho cháu H và cháu K mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị M và anh T không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên tách ra trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì xem xét và giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị M phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị M đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc M.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Ngọc M ly hôn với anh Lê Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 84/2014 ngày 14/5/2014 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dạy cháu Lê Phạm Khánh K, sinh 01/9/2008 và cháu Lê Phạm Như H, sinh 20/12/2010. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, chị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh T, nếu chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Phạm Khánh K, sinh 01/9/2008 và cháu Lê Phạm Như H, sinh 20/12/2010 mỗi cháu với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 06/5/2021. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị M chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì hàng tháng chị M còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị M phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng, chị M đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004659 ngày 24/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Chị M phải nộp tiếp án phí là 300.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải